

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày 19 tháng 3 năm 2019
V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà **Dư Thị Út**.

2- Bà **Khưu Liên Dung**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà **Trần Mỹ Linh** – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 162/2018/TLST-DS ngày 18 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Trần Thị T**, sinh năm 1936. Địa chỉ: ấp Giáp Nước, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. Người đại diện theo ủy quyền: Anh **Thạch Đ**, sinh năm 1969. Địa chỉ: ấp Giáp Nước, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu. (văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Hảo** - Luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Thị Hảo thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

2. *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp Công Điền, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, anh Thạch Đ là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trong vụ kiện trình bày: Bà T chỉ cho bà L vay một lần vào thời gian nào thì không nhớ, mục đích là để bà L cất nhà, không có thỏa thuận lãi suất, chỉ nói khi nào con L từ Đài Loan gửi tiền về thì đem trả và cho tiền bà T uống cà phê, không thỏa thuận thời hạn trả

chính xác, chỉ nói khoảng nửa tháng, khi vay tiền không có làm biên nhận, cũng không có người chứng kiến. Nhưng sau đó, do con của L không gửi tiền về kịp, nên L và bà T thỏa thuận mỗi tháng trả 3.000.000đ (thỏa thuận bằng lời nói), từ tháng 3/2017 đến 25/10/2017 âm lịch, L có gửi cho bà T 8 lần với tổng số tiền là 24.000.000 đồng, trong 8 lần này bà T chỉ nhận tiền mà không có làm bất kỳ giấy tờ, biên nhận gì cả. Nay anh yêu cầu L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền vay gốc 46.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 25/3/8 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/11/2018, biên bản hòa giải ngày 21/02/2019 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kim L là bị đơn trong vụ án trình bày: cách nay khoảng 08 năm, chị có vay tiền của bà T khoảng 80.000.000 đồng để cất nhà, lãi suất 10%, không thỏa Tận thời hạn trả. Khi vay tiền không có làm biên nhận. Việc vay tiền được trả và vay lại nhiều lần, mỗi lần trả và vay lại cũng đều không có làm biên nhận. Do không có trả năng trả gốc và lãi, nên cách đây khoảng hơn một năm (do không nhớ thời gian chính xác), chị và bà T thống nhất số tiền chị T còn nợ lại là 70.000.000 đồng và không tính lãi nữa, sau đó chị có bao nhiêu thì trả cho bà T bấy nhiêu. Từ tháng 11/2016 âm lịch chị đưa cho anh M (Lê Văn H) là cháu bà T trả lần đầu cho bà T 6.000.000đ và trả tiếp thêm 10 lần nữa (09 lần trả 3.000.000 đồng và 01 lần 2.000.000 đồng). Các lần trả đều có bà T ký tên nhận vào sổ theo dõi do chị L giữ, chỉ có lần trả 2.000.000đ là không có ghi vào sổ và bà T không có ký tên. Tổng số tiền bà T đã nhận của chị L là 35.000.000 đồng. Nay, chị L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 35.000.000 đồng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hảo trình bày: bà T và chị L thống nhất số tiền mà chị L còn nợ bà T là 70.000.000 đồng. Bà T thừa nhận chị L chỉ mới trả được 24.000.000 đồng, hiện còn nợ lại 46.000.000 đồng. Chị L cho rằng đã trả cho bà T 35.000.000 đồng, bà T không thừa nhận và chị L cũng không có chứng cứ nào khác chứng minh cho số tiền trả nợ của chị. Vì vậy, yêu cầu Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc chị L trả số tiền còn nợ lại là 46.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 25/3/2018 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Từ khi thụ lý vụ án cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Xét thấy, giữa bà T và chị L đều thống nhất số tiền nợ, nay bà T yêu cầu chị L trả 46.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ khi bà T có tranh chấp với chị L ra Ban nhân dân ấp Công Điền, xã Vĩnh Trạch, thành phố B (25/3/2018) với mức lãi suất 0,75%/tháng cho đến khi trả dứt nợ là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định nội dung vụ kiện như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là bà Trần Thị T khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với chị Nguyễn Thị Kim L nên đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Kim L cư trú tại ấp Công Điền, xã Vĩnh Trạch, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

* Về nội dung vụ án:

[2] Bà Trần Thị T và chị Nguyễn Thị Kim L thống nhất chị Nguyễn Thị Kim L có vay của bà Trần Thị T số tiền 70.000.000 đồng, hợp đồng vay bằng lời nói, không thỏa thuận thời hạn vay. Do các đương sự đều thừa nhận, nên xác định đây là hợp đồng vay không kỳ hạn theo quy định tại Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005, và là tình tiết sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét về quá trình thực hiện hợp đồng vay tài sản:

[3] Sau khi vay tiền thì bà T và chị L đã thỏa thuận phương thức trả tiền vay gốc được chia ra hàng tháng, mỗi tháng trả 3.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Do chị L không thực hiện theo thỏa thuận, nên ngày 25/3/2018 bà T đã khiếu kiện chị L ra Ban nhân dân ấp Công Điền để yêu cầu trả nợ là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 477 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Bà Trần Thị T chỉ thừa nhận chị Nguyễn Thị Kim L từ lúc vay tiền đến nay chỉ trả cho bà tổng cộng 08 lần (mỗi lần 3.000.000 đồng) từ tháng 03/2017 đến ngày 25/10/2017 âm lịch với số tiền 24.000.000 đồng, ngoài ra không có trả bất kỳ số tiền nào khác.

Chị Nguyễn Thị Kim L trình bày, chị đã trả tổng cộng cho bà T nhiều lần (khoảng 11 lần) với tổng số tiền là 35.000.000 đồng, trong các lần trả nợ thì bà T đều có ký nhận vào sổ theo dõi do chị giữ, chỉ có lần trả sau cùng 2.000.000 đồng là bà T không có ký nhận. Chị L cung cấp Sổ theo dõi có chữ ký nhận tiền của bà T. Bà T không thừa nhận có ký vào sổ theo dõi do chị L cung cấp. Tại Bản kết luận giám định số 11/GĐ-2019 ngày 04/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bạc Liêu kết luận: không đủ cơ sở kết luận chữ ký “T” trên Sổ theo dõi của chị L cung cấp với chữ ký của bà Trần Thị T có phải do cùng một người ký ra hay không (bút lục 76). Cũng tại biên bản hòa giải ngày 25/3/2018 của Ban nhân dân ấp Công Điền xã Vĩnh Trạch, thành phố B thì chị L thừa nhận có trả cho bà T được 26.000.000 đồng (bút lục 05), tại biên bản hòa giải ngày 09/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố B chị L thừa nhận đã trả cho bà T 32.000.000 đồng (bút lục 03-04), đến biên bản hòa giải ngày 29/5/2018 của Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Trạch, thành phố B thì chị L cho rằng mình đã trả cho bà T được

35.000.000 đồng (bút lục 02), chị L liên tục thay đổi lời khai về số tiền chị đã trả cho bà T qua các lần hòa giải mà không có bất kỳ chứng cứ nào khác chứng minh cho lời trình bày của chị. Đối với lời khai của những người chị L yêu cầu xác minh: anh M xác định không nghe và biết được bà T thừa nhận có nhận của chị L trả lần cuối 2.000.000 đồng vào lần trả cuối; anh H thì có đưa dùm cho chị L 01 cọc tiền cho cháu của bà T để đưa lại cho bà T, nhưng số tiền bao nhiêu và người cháu này có đưa lại cho bà T hay không thì anh không biết, anh H cũng không nhớ tên và cũng không biết địa chỉ của người cháu này; còn anh Q hiện tại có mối quan hệ sống như vợ chồng với chị L và ở chung nhà chị L nên không đủ cơ sở khách quan để chấp nhận lời trình bày của anh. Do đó, không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về yêu cầu tính lãi suất:

Chị Nguyễn Thị Kim L cho rằng chị vay tiền của bà T với mức lãi suất 10%/tháng, bà T không thừa nhận có thỏa thuận lãi suất. Ngoài lời trình bày này thì chị L không có chứng cứ nào khác để chứng minh, nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của bà T cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu chị L có trách nhiệm trả lãi từ 25/3/2018 (khiếu kiện ra Ban nhân dân ấp Công Điền) cho đến ngày xét xử sơ thẩm (19/3/2019) với mức lãi suất 0,75%/tháng trên số tiền 46.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng, khi vay tiền bà T cho rằng không có thỏa thuận lãi suất (vay không có lãi), nay bà T yêu cầu tính lãi từ ngày hai bên xảy ra tranh chấp với mức lãi suất 0,75%/tháng là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Chị L xác định đây là nợ riêng của chị và bà T chỉ yêu cầu một mình chị L trả nợ. Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc chị Nguyễn Thị Kim L có trách nhiệm trả cho bà T số tiền gốc là 46.000.000 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 25/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 19/3/2019) là 11 tháng 22 ngày với mức lãi suất 0,75%/tháng thành 4.048.000 đồng theo quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Ngày 07/11/2018, chị L có yêu cầu giám định chữ ký của bà T trong sổ theo dõi do chị cung cấp. Ngày 20/11/2018, Tòa án ra thông báo nộp chi phí tố tụng và ấn định 15 ngày cho chị L nộp, nhưng chị L không nộp nên Tòa án đã yêu cầu đại diện nguyên đơn nộp chi phí tố tụng để tiến hành giám định theo quy định.

[8] Về chi phí tố tụng: Đối với yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký tên của bà Trần Thị T trong Sổ theo dõi do chị Nguyễn Thị Kim L cung cấp. Qua kết luận giám định cho thấy yêu cầu của chị Nguyễn Thị Kim L là không có căn cứ, nên chị Nguyễn Thị Kim L phải chịu toàn bộ chi phí giám định này theo quy định tại khoản 1 Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bà Trần Thị T đã nộp và chi xong 300.000 đồng, chị Nguyễn Thị Kim L phải trả lại cho bà Trần Thị T 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 162 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị T được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện, nên chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Trần Thị T được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[10] Về quyền kháng cáo: Nếu nguyên đơn, bị đơn không đồng ý với quyết định của Tòa án thì có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 162 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 471, Điều 474 và 477 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Điều 466, khoản 1 Điều 469 và điểm a Khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị T đối với chị Nguyễn Thị Kim L.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim L phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Trần Thị T số tiền 50.048.000đ (Năm mươi triệu không trăm bốn mươi tám ngàn đồng) (trong đó có 46.000.000 đồng tiền vay gốc và 4.048.000 đồng tiền lãi).

2/ Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Kim L phải trả cho bà Trần Thị T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3/ Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền trên đây, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim L phải nộp 2.502.400 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ hai ngàn bốn trăm đồng).

Bà Trần Thị T được nhận lại 1.222.750 đồng (Một triệu hai trăm hai mươi hai ngàn bảy trăm năm mươi đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000009 ngày 14/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

5/ Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 19/3/2019).

Nơi nhận

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND Tp. B;
- Chi cục THA DS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu Tòa án;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

LÊ PHAN CÔNG TRÍ